

Số: 117 /TTr-UBND

Bù Đăng, ngày 22 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công
năm 2025 nguồn ngân sách địa phương**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/ 2024 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND huyện về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện về việc quyết định điều chỉnh và bổ sung danh mục, kế hoạch vốn trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 24/01/2025 của HĐND huyện về việc quyết định bổ sung danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện về việc Quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025 của HĐND huyện về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện về việc Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án trong trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ cuộc họp ngày 21/4/2025 của Thường trực Huyện ủy và cuộc họp ngày 22/4/2025 của BTV Huyện ủy về cho ý kiến về các nội dung do UBND huyện trình. Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 169/TTr - TCKH ngày 22/4/2025.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét thống nhất thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn 191 tỷ 369 triệu đồng.

- Vốn phân cấp: 32 tỷ 248 triệu đồng.
- Vốn sử dụng đất: 65 tỷ 326 triệu đồng.
- Vốn tỉnh hỗ trợ phòng học: 266 triệu đồng.
- Vốn cân đối ngân sách: 61 tỷ 884 triệu đồng.
- Vốn kết dư theo Nghị quyết số 17/2024/HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh: 27 tỷ 560 triệu đồng.
- Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS: 4 tỷ 085 triệu đồng.

2. Cơ cấu phân bổ nguồn vốn đầu tư XD CB năm 2025:

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách địa phương như sau:

2.1. Các công trình khởi công năm 2025 kế hoạch vốn 79 tỷ 684 triệu đồng, tăng so với nghị quyết 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện là 34 tỷ 184 triệu đồng, tăng 09 dự án (*Do: Giảm vốn bố trí các công trình chuẩn bị đầu tư 1 tỷ 800 triệu đồng, giảm 09 dự án; Giảm vốn bố trí các công trình đầu tư bổ sung năm 2025 là 32 tỷ 384 triệu đồng*), điều chỉnh như sau:

- Dự án: San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đường kết nối KDC đường Lê Quý Đôn, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, kế hoạch vốn giao 6 tỷ 624 triệu đồng, tăng 6 tỷ 424 triệu đồng.

- Dự án: Láng nhựa đường Dốc trắng thôn 1, xã Đoàn Kết, kế hoạch vốn giao 6 tỷ đồng, tăng 5 tỷ 800 triệu đồng.

- Dự án: Xây dựng đường, mương sọc Bù Đăng Srây và cầu sắt thôn 2, xã Đoàn Kết, kế hoạch vốn giao 3 tỷ 800 triệu đồng, tăng 3 tỷ 600 triệu đồng.

- Dự án: Láng nhựa đường từ cầu Yên Cam đi thôn 3, xã Đoàn Kết, kế hoạch vốn giao 4 tỷ 100 triệu đồng, tăng 3 tỷ 900 triệu đồng.

- Dự án: Cải tạo, nâng cấp đường thôn 5 xã Đường 10 đi thôn Bù Ghe xã Đak Nhau, kế hoạch vốn giao 3 tỷ đồng, tăng 2 tỷ 800 triệu đồng.

- Dự án: Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn xã Thọ Sơn (Tuyến Sơn Lợi đi Sơn Hòa; tuyến Sóc Cao thôn Sơn Hòa; tuyến KDC thôn Sơn Thủy), kế hoạch vốn giao 1 tỷ 900 triệu đồng, tăng 1 tỷ 700 triệu đồng.

- Dự án: Nâng cấp, mở rộng, thảm BTN đường ngã tư Đak Xuyên đi thôn Đak Nung, xã Đak Nhau, kế hoạch vốn giao 5 tỷ 100 triệu đồng, tăng 4 tỷ 900 triệu đồng.

- Dự án: Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường QL14 đi thôn Sơn Thành, xã Phú Sơn, kế hoạch vốn giao 1 tỷ 100 triệu đồng, tăng 900 triệu đồng.

- Dự án: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quanh khu công viên xã Bom Bo, kế hoạch vốn giao 2 tỷ 560 triệu đồng, tăng 2 tỷ 360 triệu đồng.

2.2. Vốn bố trí các công trình chuẩn bị đầu tư: 0 đồng, giảm 1 tỷ 800 triệu đồng và giảm 09 dự án so Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025.

2.3. Vốn bố trí các công trình đầu tư bổ sung năm 2025: 0 đồng, giảm 32 tỷ 384 triệu đồng so Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025.

(Kèm theo bảng dự thảo Nghị quyết Thông qua danh mục và kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025)

Các nội dung không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện Bù Đăng và Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện Bù Đăng.

Kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



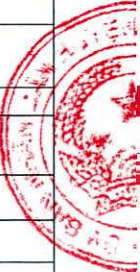
Nguyễn Thanh Cường

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Bù Đăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)								Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025								Tăng (+); Giảm (-)								Chủ đầu tư	Ghi chú							
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS												
	Tổng cộng	719.776	149.647	191.369	32.248	65.326	266	61.884	27.560	4.085	191.369	32.248	65.326	266	61.884	27.560	4.085	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	TTKL CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	317.845	139.497	97.100	23.948	44.460	266	28.426	-	-	97.100	23.948	44.460	266	28.426	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	118.300	83.397	26.590	14.948	3.000	266	8.376	-	-	26.590	14.948	3.000	266	8.376	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
1	Xây dựng Trường TH Đắk Nheu	50.000	32.064	13.600	8.948	3.000	266	1.386			13.600	8.948	3.000	266	1.386			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
2	Xây dựng các phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục khác Trường MN Đăk Hà, xã Đăk Hà	12.000	8.300	3.000				3.000			3.000				3.000			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
3	Xây dựng 04 phòng học, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Trần Quốc Tuấn, xã Đăk Nheu	14.800	4.500	9.500	6.000			3.500			9.500	6.000			3.500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
4	Xây dựng 14 phòng học, 12 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường THCS Chu Văn An xã Đăk Nheu	29.500	27.033	300				300			300				300			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
5	Xây dựng 06 phòng HC, 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ, các phòng điểm Thôn 4 và các hạng mục khác Trường TH Đăk Hà, xã Đăk Hà	12.000	11.500	190				190			190				190			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	118.345	32.011	50.080	9.000	28.900	-	12.180	-	-	50.080	9.000	28.900	-	12.180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu, thị trấn Đức Phong	14.990	7.298	4.000		4.000					4.000		4.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
7	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	5.000	3.500	510				510			510				510			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
8	Nâng cấp, mở rộng từ ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	16.000	5.000	7.000	3.000	2.000		2.000			7.000	3.000	2.000		2.000			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
9	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng dọc QL.14 một số đoạn còn lại xã của Thọ Sơn	4.700	188	3.000	1.000	2.000					3.000	1.000	2.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện		
10	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	40.000	8.700	30.000	5.000	17.400		7.600			30.000	5.000	17.400		7.600			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
11	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Diệu Ông, huyện Bù Đăng	25.000	99	1.000		1.000					1.000		1.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện		
12	Xây dựng đường vào Trường TH Đak Nheu, xã Đak Nheu	1.655	532	1.000		500		500			1.000		500		500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện		
13	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Đường 10, Phước Sơn và Đoàn Kết	11.000	6.694	3.570		2.000		1.570			3.570		2.000		1.570			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện		
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	8.000	3.584	2.500	-	-	-	2.500	-	-	2.500	-	-	-	2.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
14	Xây dựng Hội trường Công an huyện	8.000	3.584	2.500				2.500			2.500				2.500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC Y TẾ	20.500	6.853	6.000	0	4.700	0	1.300	0	0	6.000	0	4.700	0	1.300	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0	-	-		
15	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và các hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng	14.500	6.700	6.000		4.700		1.300			6.000		4.700		1.300			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
16	Xây dựng Trạm Y tế thị trấn Đức Phong	6.000	153	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	38.000	300	10.860	-	7.860	-	3.000	-	-	10.860	-	7.860	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
17	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	38.000	300	10.860		7.860		3.000			10.860		7.860		3.000			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC VĂN HÓA	14.700	13.352	1.070	-	-	-	1.070	-	-	1.070	-	-	-	1.070	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐ/ND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)								Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025								Tăng (+); Giảm (-)								Chủ đầu tư	Ghi chú			
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS								
18	Sửa chữa cải tạo Trung tâm văn hóa huyện	14.700	13.352	1.070				1.070			1.070				1.070			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện	
II	CÁC CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2025	371.396	2.000	47.300	4.800	17.266	-	23.634	1.600	-	79.684	4.800	17.866	-	29.458	27.560	-	32.384	-	600	-	5.824	25.960	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	30.250	200	12.000	-	3.126	-	8.874	-	-	12.000	-	3.126	-	8.874	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Xây dựng, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục khác các trường học năm 2024	6.500	100	1.500				1.500			1.500				1.500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
2	Xây dựng 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10	18.550	100	8.000		3.126		4.874			8.000		3.126		4.874			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
3	Xây dựng một số hạng mục các trường học trên địa bàn huyện.	5.200		2.500				2.500			2.500				2.500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
*	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	148.496	1.000	30.000	4.800	11.740	-	11.860	1.600	-	62.384	4.800	12.340	-	17.684	27.560	-	32.384	-	600	-	5.824	25.960	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà	16.000	100	200				200			200				200			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai	14.500	350	8.800	4.800	3.000		1.000			8.800	4.800	3.000		1.000			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài thị trấn Đức Phong	10.000	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
7	Xây dựng tuyến đường N3, D2 (đoạn còn lại) trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong.	8.800	250	8.000		3.600		4.400			8.000		3.600		4.400			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
8	San lấp mặt bằng khu TTHC xã Đăng Hà	25.000	100	400				400			400				400			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
9	Xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập úng cục bộ tại xã Bom Bo và xã Dak Nhou	2.600	100	1.800				1.800			1.800				1.800			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
10	Nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Ông Thoai đến tiếp giáp xã Đắk Lua, huyện Tân Phú.	19.950		5.600		3.640		1.960			5.600		3.640		1.960			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
11	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Bàng Lãng vào đến đường BTXM đi Đốc Khi thôn 2, xã Đăng Hà.	11.200		3.400		1.500		1.900			3.400		1.500		1.900			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
12	San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đường kết nối KDC đường Lê Quý Đôn, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng	11.000		200				200			6.624		600		6.024			6.424	-	600		5.824	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
13	Láng nhựa đường Đốc trưởng thôn 1, xã Đoàn Kết	6.420		200					200		6.000				6.000			5.800	-	-	-	-	-	5.800	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
14	Xây dựng đường, mương sọc Bù Đăng Srây và cầu sắt thôn 2, xã Đoàn Kết	4.066		200					200		3.800				3.800			3.600	-	-	-	-	-	3.600	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
15	Láng nhựa đường từ cầu Yên Cam đi thôn 3, xã Đoàn Kết	4.300		200					200		4.100				4.100			3.900	-	-	-	-	-	3.900	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
16	Cải tạo, nâng cấp đường thôn 5 xã Đường 10 đi thôn Bù Ghe xã Dak Nhou	3.200		200					200		3.000				3.000			2.800	-	-	-	-	-	2.800	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
17	Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn xã Thọ Sơn (Tuyến Sơn Lợi đi Sơn Hòa; tuyến Sọc Cao thôn Sơn Hòa; tuyến KDC thôn Sơn Thủy)	2.040		200					200		1.900				1.900			1.700	-	-	-	-	-	1.700	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
18	Nâng cấp, mở rộng, thềm BTN đường ngã tư Đắk Xuyên đi thôn Đắk Nung, xã Dak Nhou	5.350		200					200		5.100				5.100			4.900	-	-	-	-	-	4.900	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
19	Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường QL14 đi thôn Sơn Thánh, xã Phú Sơn	1.320		200					200		1.100				1.100			900	-	-	-	-	-	900	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	
20	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quanh khu công viên xã Bom Bo	2.750		200					200		2.560				2.560			2.360	-	-	-	-	-	2.360	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA&TXD	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)							Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025							Tăng (+); Giảm (-)							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS		
X	KINH PHÍ ỦY THÁC NGÂN SÁCH CHO QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN	500		500	500						500	500						-	-	-	-	-	-	-	Hội Nông dân huyện	
XI	VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO DTTS NĂM 2023 CHUYỂN SANG	4.085	-	4.085	-	-	-	-		4.085	4.085	-	-	-	-		4.085	-	-	-	-	-	-	-	-	Đính kèm phụ lục 01



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)								Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025						Tăng (+); Giảm (-)						Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17		
*	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	152.400	300	4.800	-	2.400	-	2.400	-	-	4.800	-	2.400	-	2.400	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTXD	
12	Xây dựng Khối trụ sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà	28.000	100	400				400			400				400								Ban QLDAĐTXD		
13	Xây dựng Trụ sở HĐND và UBND huyện Bù Đăng	70.000	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
14	Xây dựng Hội trường huyện Bù Đăng	50.000	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
15	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đăng	4.400		4.400		2.400		2.000			4.400		2.400		2.000								Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện		
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	22.250	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
16	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Thọ Sơn và Phú Sơn	4.000	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
17	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Phước Sơn và Đoàn Kết	4.000	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
18	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Minh Hưng, Bình Minh và Đồng Nai	6.150	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
19	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Nghĩa Bình và Nghĩa Trung	4.400	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
20	Lắp dựng nhà tiền chế Khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác Công an các xã: Đức Liễu và Thống Nhất	3.700	100	-							-												Ban QLDAĐTXD		
*	LĨNH VỰC Y TẾ	18.000	-	500	-	-	-	500	-	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-		
21	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng (giai đoạn 2)	18.000		500				500			500				500								Ban QLDAĐTXD		
III	VỐN BỔ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IV	VỐN BỔ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG NĂM 2025			32.384	-	600	-	5.824	25.960	-	-	-	-	-	-	-	(32.384)	-	(600)	-	(5.824)	(25.960)	-		
V	THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN			3.000				3.000		-	3.000			3.000		-							-	UBND huyện giao chỉ tiết vốn thanh toán các công trình quyết toán khi có QĐ phê duyệt quyết toán các dự án	
VI	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	4.950	8.150	1.000	-	-	-	1.000	-		1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Trong đó:																								
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	4.950	8.150	1.000	-	-	-	1.000	-		1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình		4.075	500		-		500			500			500									Ban QLDAĐTXD		
-	Xây dựng đường thâm nhập nhựa Sóc ông La nối tiếp	4.950	4.075	500		-		500			500			500									Ban QLDAĐTXD		
VII	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	3.000	-	3.000	-	3.000	-	-	-		3.000	-	3.000	-	-	-							-		
	Trong đó:			-							-														
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	3.000		3.000		3.000					3.000		3.000										-		
	Trong đó:																								
VIII	GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Vùng lõi căn cứ Hậu cần - kỹ thuật huyện Bù Đăng	15.000		-							-												TTPTQĐ		
IX	KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC	3.000		3.000	3.000						3.000	3.000											NHCSXH huyện		



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

Số: /NQ-HĐND

ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua dự toán chi nguồn vốn sự nghiệp Chương trình
MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN thực hiện theo
Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc Hội;

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về
một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về
lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực
hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 về việc giao mục
tiêu, nhiệm vụ đối với huyện được lựa chọn thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp
trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn
2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2025 của UBND huyện và Báo
cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày /4/2025 của Ban Kinh tế - Xã hội
Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND huyện.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán chi nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG
phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN thực hiện theo Nghị quyết số
111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội, với các nội dung như sau:

Tổng dự toán: 3 tỷ 431 triệu đồng. *Bằng chữ: (Ba tỷ, bốn trăm ba mươi
mốt triệu đồng chẵn).*

Giao thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát
huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3 tỷ 431 triệu đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng Nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng Nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân huyện Bù Đăng khóa VII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2025 có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Hồng

Nghị quyết này đã được Hội đồng Nhân dân huyện Bù Đăng khóa VII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2025 có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Hồng

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /4/2025 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)							Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025							Tăng (+); Giảm (-)							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS		
	Tổng cộng	719.776	149.647	191.369	32.248	65.326	266	61.884	27.560	4.085	191.369	32.248	65.326	266	61.884	27.560	4.085	-	-	-	-	-	-	-		
I	TTKL CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP	317.845	139.497	97.100	23.948	44.460	266	28.426	-	-	97.100	23.948	44.460	266	28.426	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
*	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	118.300	83.397	26.590	14.948	3.000	266	8.376	-	-	26.590	14.948	3.000	266	8.376	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng Trường TH Đắk Nheu	50.000	32.064	13.600	8.948	3.000	266	1.386			13.600	8.948	3.000	266	1.386			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
2	Xây dựng các phòng học, các phòng chức năng và các hạng mục khác Trường MN Đăk Hà, xã Đăk Hà	12.000	8.300	3.000				3.000			3.000				3.000			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
3	Xây dựng 04 phòng học, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường TH Trần Quốc Toản, xã Đắk Nheu	14.800	4.500	9.500	6.000			3.500			9.500	6.000			3.500			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
4	Xây dựng 14 phòng học, 12 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác trường THCS Chu Văn An xã Đắk Nheu	29.500	27.033	300				300			300				300			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
5	Xây dựng 06 phòng HC, 04 phòng hỗ trợ học tập, 03 phòng phụ trợ, các phòng điểm Thôn 4 và các hạng mục khác Trường TH Đăk Hà, xã Đăk Hà	12.000	11.500	190				190			190				190			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
*	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	118.345	32.011	50.080	9.000	28.900	-	12.180	-	-	50.080	9.000	28.900	-	12.180	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu, thị trấn Đức Phong	14.990	7.298	4.000		4.000					4.000		4.000					-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
7	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	5.000	3.500	510				510			510				510			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
8	Nâng cấp, mở rộng từ ngã ba Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	16.000	5.000	7.000	3.000	2.000		2.000			7.000	3.000	2.000		2.000			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
9	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng dọc QL.14 một số đoạn còn lại xã của Thọ Sơn	4.700	188	3.000	1.000	2.000					3.000	1.000	2.000					-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện	
10	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	40.000	8.700	30.000	5.000	17.400		7.600			30.000	5.000	17.400		7.600			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
11	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Điều Ông, huyện Bu Đing	25.000	99	1.000		1.000					1.000		1.000					-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện	
12	Xây dựng đường vào Trường TH Đắk Nheu, xã Đắk Nheu	1.655	532	1.000		500		500			1.000		500		500			-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện	
13	Xây dựng một số cầu cống tại các xã: Đường 10, Phước Sơn và Đoàn Kết	11.000	6.694	3.570		2.000		1.570			3.570		2.000		1.570			-	-	-	-	-	-	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện	
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	8.000	3.584	2.500	-	-	-	2.500	-	-	2.500	-	-	-	2.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
14	Xây dựng Hội trường Công an huyện	8.000	3.584	2.500				2.500			2.500				2.500			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
*	LĨNH VỰC Y TẾ	20.500	6.853	6.000	0	4.700	0	1.300	0	0	6.000	0	4.700	0	1.300	0	0	-	-	-	-	-	0	0		
15	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và các hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bu Đing	14.500	6.700	6.000		4.700		1.300			6.000		4.700		1.300			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
16	Xây dựng Trạm Y tế thị trấn Đức Phong	6.000	153	-							-							-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
*	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	38.000	300	10.860	-	7.860	-	3.000	-	-	10.860	-	7.860	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
17	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)	38.000	300	10.860		7.860		3.000			10.860		7.860		3.000			-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐTĐ	
*	LĨNH VỰC VĂN HÓA	14.700	13.352	1.070	-	-	-	1.070	-	-	1.070	-	-	-	1.070	-	-	-	-	-	-	-	-	-		



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)							Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025							Tăng (+); Giảm (-)							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS		
18	Sửa chữa cải tạo Trung tâm văn hóa huyện	14.700	13.352	1.070				1.070			1.070			1.070			-	-	-	-	-	-		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện		
II	CÁC CÔNG TRÌNH KHỎI CÔNG NĂM 2025	371.396	2.000	47.300	4.800	17.266	-	23.634	1.600	-	79.684	4.800	17.866	-	29.458	27.560	-	32.384	-	600	-	5.824	25.960	-		
*	LĨNH VỰC GIAO DỤC & ĐÀO TẠO	30.250	200	12.000	-	3.126	-	8.874	-	-	12.000	-	3.126	-	8.874	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục khác các trường học năm 2024	6.500	100	1.500				1.500			1.500			1.500			-	-	-	-	-	-		Ban QLDAĐT XD		
2	Xây dựng 09 phòng bộ môn, 06 phòng hành chính, các phòng và hạng mục khác Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10	18.550	100	8.000		3.126		4.874			8.000		3.126	4.874			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
3	Xây dựng một số hạng mục các trường học trên địa bàn huyện.	5.200		2.500				2.500			2.500			2.500			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC GIAO THÔNG	148.496	1.000	30.000	4.800	11.740	-	11.860	1.600	-	62.384	4.800	12.340	-	17.684	27.560	-	32.384	-	600	-	5.824	25.960	-		
4	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà	16.000	100	200				200			200			200			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đường Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai	14.500	350	8.800	4.800	3.000		1.000			8.800	4.800	3.000	1.000			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài thị trấn Đức Phong	10.000	100	-							-						-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
7	Xây dựng tuyến đường N3, D2 (đoạn còn lại) trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong.	8.800	250	8.000		3.600		4.400			8.000		3.600	4.400			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
8	San lấp mặt bằng khu TTHC xã Đăng Hà	25.000	100	400				400			400			400			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
9	Xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập úng cục bộ tại xã Bom Bo và xã Dak Nheu	2.600	100	1.800				1.800			1.800			1.800			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
10	Nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Ông Thoai đến tiếp giáp xã Đăk Lư, huyện Tân Phú.	19.950		5.600		3.640		1.960			5.600		3.640	1.960			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
11	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 3 Bàng Lãng vào đến đường BTXM đi Dốc Khi thôn 2, xã Đăng Hà.	11.200		3.400		1.500		1.900			3.400		1.500	1.900			-	-	-	-	-			Ban QLDAĐT XD		
12	San lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và đường kết nối KDC đường Lê Quý Đôn, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng	11.000		200				200			6.624		600	-	6.024		6.424	-	600	-	5.824	-			Ban QLDAĐT XD	
13	Láng nhựa đường Dốc trắng thôn 1, xã Đoàn Kết	6.420		200					200		6.000			6.000		5.800	-	-	-	-	-	5.800	-		Ban QLDAĐT XD	
14	Xây dựng đường, mương sọc Bù Đăng Sậy và cầu sắt thôn 2, xã Đoàn Kết	4.066		200					200		3.800			3.800		3.600	-	-	-	-	-	3.600	-		Ban QLDAĐT XD	
15	Láng nhựa đường từ cầu Yên Cam đi thôn 3, xã Đoàn Kết	4.300		200					200		4.100			4.100		3.900	-	-	-	-	-	3.900	-		Ban QLDAĐT XD	
16	Cải tạo, nâng cấp đường thôn 5 xã Đường 10 đi thôn Bù Ghe xã Dak Nheu	3.200		200					200		3.000			3.000		2.800	-	-	-	-	-	2.800	-		Ban QLDAĐT XD	
17	Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường trên địa bàn xã Thọ Sơn (Tuyến Sơn Lợi đi Sơn Hòa; tuyến Sóc Cao thôn Sơn Hòa; tuyến KDC thôn Sơn Thủy)	2.040		200					200		1.900			1.900		1.700	-	-	-	-	-	1.700	-		Ban QLDAĐT XD	
18	Nâng cấp, mở rộng, thảm BTN đường ngã tư Đak Xuyến đi thôn Đak Nung, xã Dak Nheu	5.350		200					200		5.100			5.100		4.900	-	-	-	-	-	4.900	-		Ban QLDAĐT XD	
19	Đầu tư điện chiếu sáng năng lượng mặt trời các tuyến đường QL14 đi thôn Sơn Thánh, xã Phú Sơn	1.320		200					200		1.100			1.100		900	-	-	-	-	-	900	-		Ban QLDAĐT XD	
20	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quanh khu công viên xã Bom Bo	2.750		200					200		2.560			2.560		2.360	-	-	-	-	-	2.360	-		Ban QLDAĐT XD	

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)							Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025							Tăng (+); Giảm (-)							Chủ đầu tư	Ghi chú							
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS									
*	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH	152.400	300	4.800	-	2.400	-	2.400	-	-	4.800	-	2.400	-	2.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD	
12	Xây dựng Khối trụ sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà	28.000	100	400				400			400				400			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
13	Xây dựng Trụ sở HĐND và UBND huyện Bù Đăng	70.000	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
14	Xây dựng Hội trường huyện Bù Đăng	50.000	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
15	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bù Đăng	4.400		4.400		2.400		2.000			4.400		2.400		2.000			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện		
*	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH	22.250	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
16	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Thọ Sơn và Phú Sơn	4.000	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
17	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Phước Sơn và Đoàn Kết	4.000	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
18	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Minh Hưng, Bình Minh và Đồng Nai	6.150	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
19	Lắp dựng nhà tiền chế khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác công an các xã: Nghĩa Bình và Nghĩa Trung	4.400	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
20	Lắp dựng nhà tiền chế Khối trụ sở làm việc và các hạng mục khác Công an các xã: Đức Liễu và Thông Nhất	3.700	100	-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
*	LĨNH VỰC Y TẾ	18.000	-	500	-	-	-	500	-	-	500	-	-	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
21	Nâng cấp, sửa chữa các khoa phòng và hạng mục khác Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng (giai đoạn 2)	18.000		500				500			500				500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
III	VỐN BỔ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
IV	VỐN BỔ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ BỔ SUNG NĂM 2025	-	-	32.384	-	600	-	5.824	25.960	-	-	-	-	-	-	-	-	(32.384)	-	(600)	-	(5.824)	(25.960)	-	-	-	-	-	-	-	-		
V	THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN	-	-	3.000	-	-	-	3.000	-	-	3.000	-	-	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	UBND huyện giao chi tiết vốn thanh toán các công trình quyết toán khi có QĐ phê duyệt quyết toán các dự án	
VI	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	4.950	8.150	1.000	-	-	-	1.000	-	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Trong đó:																																
I	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	4.950	8.150	1.000	-	-	-	1.000	-	-	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
-	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình		4.075	500				500			500				500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
-	Xây dựng đường thâm nhập nhện Sóc Ông La nối tiếp	4.950	4.075	500				500			500				500			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Ban QLDAĐT XD		
VII	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	3.000	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	3.000	-	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Trong đó:																																
1	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình	3.000		3.000		3.000					3.000		3.000					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Trong đó:																																
VIII	GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	15.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Vùng lõi căn cứ Hậu cần - kỹ thuật huyện Bù Đăng	15.000		-							-							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	TTPTQĐ	
IX	KINH PHÍ HỖ TRỢ PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CSXH CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC	3.000		3.000	3.000						3.000	3.000						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	NHCSXH huyện	



STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Lấy kế ước thanh toán đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025 (theo NQ số 44/NQ-HĐND ngày 25/12/2024; NQ số 03/NQ-HĐND ngày 24/01/2025; NQ số 12/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND huyện và NQ số 19/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND huyện)							Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025						Tăng (+); Giảm (-)						Chủ đầu tư	Ghi chú		
				Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách	Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS	Tổng cộng	Vốn phân cấp	Vốn sử dụng đất	Vốn tính hỗ trợ phòng học	Vốn cân đối ngân sách			Vốn kết dư theo NQ 17	Vốn 1.000 hộ nghèo DTTS
X	KINH PHÍ ỦY THÁC NGÂN SÁCH CHO QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN	500		500	500						500	500					-	-	-	-	-	-	-	Hội Nông dân huyện		
XI	VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM 1.000 HỘ NGHÈO DTTS NĂM 2023 CHUYỂN SANG	4.085	-	4.085	-	-	-	-		4.085	4.085	-	-	-	-		4.085	-	-	-	-	-	-	-		Đính kèm phụ lục 01